

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/DS-PT

Ngày : 26 - 9 - 2018

V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Trịnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2018/QĐ-PT ngày 24/8/2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 260/2018/QĐ-PT ngày 17/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Y; chức vụ: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Y; địa chỉ: 744B Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Yên:

Ông Lê Xuân Th, sinh năm: 1966; địa chỉ: 37 tổ 9 thôn P, xã H, huyện Đ. Có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2017).

- *Bị đơn:* Ông Đào Công Q, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Đào Đức L, sinh năm: 1955; Bà Đào Thị K, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Có mặt.

2/. Ông Đinh Thành L, sinh năm: 1966; Bà Bùi Thị Nh, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Có mặt.

3/. Ông Lê Quang H, sinh năm: 1980; Bà Đào Thị A, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Có mặt.

4/. Ông Đào Văn D, sinh năm: 1966; Bà Đào Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Ông Dinh có mặt, bà Huê vắng mặt.

5/. Ông Nguyễn Bá Kh, sinh năm: 1962; Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Có mặt.

6/. Ông Đinh Văn P, sinh năm: 1958; Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Ông Phương có mặt, bà Thao vắng mặt.

7/. Ông Trần Trọng Th, sinh năm: 1959; bà Lê Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Có mặt.

8/. Ông Vũ Đức Th, sinh năm: 1954; Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1960; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Có mặt.

9/. Bà Phạm Thị B, sinh năm: 1974; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Vắng mặt.

10/. Bà Trần Thị Ng, sinh năm: 1974; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Có mặt.

11/. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1987; Bà Lều Thị L, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L. Ông T có mặt, bà L vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đào Công Q – Bị đơn;

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn Y – Doanh nghiệp tư nhân Y cũng như người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Xuân Th trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân Y (viết tắt DNTN Y) chuyên sản xuất phân hữu cơ vi sinh. Để đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ, doanh nghiệp tổ chức nhiều cuộc hội thảo và mời các trưởng thôn cùng các hộ dân đến tham dự, trong đó có trưởng thôn N, xã H, huyện L là ông Đào Công Q. Tại buổi hội thảo doanh nghiệp còn đưa phân bón vi sinh cho các hộ nông dân về dùng thử, hộ dân nào có nhu cầu mua thì đăng ký với trưởng thôn, doanh nghiệp sẽ chở phân bón đến giao cho các hộ dân đã đăng ký, với giá 3.500 đồng/kg.

Ngày 21/7/2016, DNTN Y ký hợp đồng số 130/HĐ-YT với ông Q, sau khi ký hợp đồng vào ngày 24/7/2016 thì ngày 39/7/2016 DNTN Y đã giao 19.600kg phân bón cho các hộ dân trong thôn N, xã H, huyện L theo danh sách đã đăng ký với ông Q, thành tiền là 68.600.000 đồng. Thời hạn thanh toán tính từ ngày 25/12/2016 đến ngày 20/01/2017 ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền cho DNTN Y. Sau khi thanh toán hết tiền DNTN Y trích tiền khuyến mãi là 9,09%/68.600.000 đồng cho ông Q, đến hạn ông Q không thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất là 1,5%/tháng. Đến thời hạn thanh toán ông Q không thanh toán số tiền trên cho DNTN Y. DNTN Y đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông Q không thanh toán và cho rằng phân bón của DNTN Y bán cho dân là phân bón kém chất lượng nên các hộ dân không trả cho ông để ông Q thanh toán cho DNTN Y.

Nay ông Trần Văn Y – DNTN Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q thanh toán cho doanh nghiệp số tiền gốc là 68.600.000 đồng và tiền lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 26/12/2016 đến nay.

Bị đơn ông Đào Công Q trình bày:

Ngày 21/7/2016, ông Trần Văn Y – Giám đốc DNTN Y được Ủy ban nhân dân xã Hoài Đức giới thiệu vào thôn Nam Hưng, xã Hoài Đức để tổ chức hội thảo về chất lượng và sử dụng phân bón vi sinh. Sau khi làm việc với ông Yên, ông mời bà con trong thôn đến hội trường thôn tham dự hội thảo. Sau cuộc hội thảo các hộ dân đăng ký mua phân bón trực tiếp với bà Thu là vợ của ông Yên. Một ngày sau DNTN Y chở phân bón vào giao từng hộ dân đã đăng ký và có nhờ ông ký vào danh sách 11 hộ dân nhận phân bón với số lượng là 19.600kg, thành tiền là 68.600.000 đồng.

Cụ thể: Ông Lương, bà Kim đăng ký 02 tấn; ông L, bà Nh đăng ký 01 tấn; ông H, bà A đăng ký 03 tấn; ông D, bà H đăng ký 01 tấn; ông Kh, bà L đăng ký 02 tấn; ông P, bà Th đăng ký 02 tấn; ông Th, bà H đăng ký 1,5 tấn; ông Th, bà Th đăng ký 01 tấn; bà B đăng ký 01 tấn; bà Ng đăng ký 02 tấn; ông T, bà L đăng ký 02 tấn.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng số 130/HĐ-YT ngày 24/7/2016, thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 26/12/2016 ông phải thanh toán đủ 100% số tiền cho DNTN Y, sau khi thanh toán đủ số tiền thì DNTN Y trích hoa hồng là 9,09% trên tổng số tiền, nếu ông chậm thanh toán sau ngày 26/12/2016 phải chịu lãi suất là 1,5%/tháng trên số tiền nợ gốc. Sau khi các hộ dân mua phân bón về sử dụng một thời gian các hộ dân nghe thông tin qua phương tiện thông tin được biết DNTN Y sản xuất phân kém chất lượng. Do đó, các hộ dân trong thôn mua phân bón không thanh toán tiền cho DNTN Y. Nay DNTN Y khởi kiện yêu cầu ông phải thanh toán cho ông Yên số tiền gốc là 68.600.000 đồng và tiền lãi suất thì ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 24/7/2016, các hộ dân mua phân bón có văn bản đăng ký với doanh nghiệp tư nhân Y, trong đó: Ông Đào Đức L, bà Đào Thị K mua với số lượng

2.000kg; ông Đinh Thành L, bà Bùi Thị Nh mua số lượng 1.000kg; ông Đào Văn D, bà Đào Thị H mua số lượng 1.000kg; ông Nguyễn Bá Kh, bà Nguyễn Thị Kim L mua số lượng 2.000kg; ông Trần Trọng Th, bà Lê Thị H mua số lượng 1.500kg; bà Nguyễn Thị Ngân mua số lượng 2.000kg; ông Nguyễn Quốc T, bà Lều Thị L mua số lượng 2.000kg; ông Lê Quang H, bà Đào Thị Anh mua số lượng 3.000 kg; ông Vũ Đức Th, bà Trần Thị Th mua số lượng 1.000kg; ông Đinh Văn P, bà Nguyễn Thị Th mua số lượng 2.000kg; bà Phạm Thị B mua 1.000kg với giá là 3.500 đồng/kg, thời hạn thanh toán là ngày 26/12/2016. Khi nhận phân bón thì doanh nghiệp trực tiếp chở phân đến giao cho từng hộ dân và các hộ dân đều có văn bản ký xác nhận.

Tuy nhiên, đến ngày 08/11/2016, các ông bà có nghe tin DNTN Y sản xuất phân kém chất lượng, các hộ dân mua phân bón trong thôn yêu cầu ông Trần Văn Y- Chủ DNTN Y giải thích rõ về chất lượng phân bón do DNTN Y sản xuất bán cho các hộ dân nhưng DNTN Y không vào giải thích theo yêu cầu của các hộ dân.

Nay DNTN Y khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền gốc 68.600.000 đồng và tiền lãi suất thì các ông bà không đồng ý thanh toán cho DNTN Y số tiền phân bón còn nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Y(DNTN Y). Buộc ông Đào Công Q phải thanh toán cho ông Trần Văn Y(DNTN Y) số tiền gốc là 68.600.000 đồng và 11.662.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng số tiền gốc và lãi suất là 80.262.000 đồng.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/7/2018, bị đơn ông Đào Công Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý thanh toán số tiền gốc là 68.600.000 đồng và 11.662.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng số tiền gốc và lãi suất là 80.262.000 đồng cho doanh nghiệp tư nhân Y.

Ngày 13/7/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện L và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Ông Q không phải là người trực tiếp mua phân của doanh nghiệp, mà người trực tiếp mua phân của doanh nghiệp là các hộ dân và doanh nghiệp trực tiếp giao phân cho từng hộ dân, hiện nay các hộ dân cũng chưa thanh toán tiền phân cho ông Q. Do đó, bản án sơ thẩm buộc ông Q thanh toán tiền phân cho doanh nghiệp tư nhân Y là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại đại theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thanh không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Q, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, bà K, ông L, bà Nh, ông H, bà A, ông D, ông Kh, bà L, ông P, ông Th, bà H, ông Th, bà Th, bà Ngân, ông Tế cùng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Q, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Yên cho rằng doanh nghiệp tư nhân Y (Gọi tắt là doanh nghiệp) chuyên sản xuất phân hữu cơ vi sinh để bón cho cây trồng, các hộ dân có nhu cầu mua thì đăng ký với trưởng thôn, doanh nghiệp sẽ chở phân bón đến giao cho các hộ dân đã đăng ký.

Ngày 21/7/2016, doanh nghiệp ký hợp đồng với ông Đào Công Q là trưởng thôn N, xã H, huyện L, đến ngày 24/7/2016 doanh nghiệp đã giao 19.600kg phân bón cho các hộ dân theo danh sách đã đăng ký tại ông Q thành tiền là 68.600.000 đồng. Thời hạn thanh toán là ngày 25/12/2016 đến ngày 20/01/2017 ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền nêu trên cho doanh nghiệp nhưng đến nay ông Q vẫn không chịu thanh toán nên yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải thanh toán cho doanh nghiệp số tiền 68.600.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 26/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Còn bị đơn Quát thì lại cho rằng ông không phải là người trực tiếp mua phân bón của doanh nghiệp mà người mua chính là các hộ dân, do ông là trưởng thôn nên doanh nghiệp có nhờ ông ký xác nhận vào danh sách các hộ dân đăng ký mua phân bón với số lượng 19.600kg thành tiền là 68.600.000 đồng. Khi thanh toán đủ số tiền nêu trên thì ông sẽ được trích hoa hồng nhưng khi các hộ dân phát hiện phân bón kém chất lượng nên không đồng ý thanh toán tiền cho doanh nghiệp, bản thân ông không mua bán phân bón của doanh nghiệp nên ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, hai bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Q và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, thì thấy rằng:

[3] Theo Hợp đồng mua bán số 130/HĐ-YT ngày 21/7/2016 thì giữa DNTN Y và ông Đào Công Q có lập hợp đồng mua bán với nội dung DNTN Y bán cho ông Q 15 tấn phân với đơn giá 3.500.000 đồng/tấn, tổng số tiền là 52.500.000 đồng có chữ ký xác nhận của ông Yên là giám đốc doanh nghiệp và ông Q (bút lục số 35). Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 06/11/2016 giữa doanh nghiệp và ông Đào Công Q thể hiện nội dung ông Q còn nợ doanh nghiệp tổng số tiền là 68.600.000 đồng (bút lục số 09).

[4] Tại Điều 2 của Hợp đồng mua bán nêu trên thể hiện nội dung: “Hộ nông dân mua phân của DNTN Y, có đơn xin mua phân bón theo phương thức trả chậm và nộp lại cho DNTN Y thông qua bên B xác nhận...”. Theo hợp đồng thì bên B xác nhận là bên ông Q.

[5] Tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán nêu trên thể hiện nội dung: “Đại diện bên B – ông (bà) Đào Công Q có trách nhiệm thu hết số tiền nợ gốc từ hộ nông dân đã mua phân và nộp lại cho doanh nghiệp (doanh nghiệp có nhân viên đến nhận tiền lại từ bên B). Thời gian thanh toán tiền mua phân cho doanh nghiệp từ ngày 25/12/2016 đến ngày 20/01/2017”.

[6] Theo Đơn xin mua phân bón trả chậm kèm giấy cam kết trả nợ của các hộ dân bao gồm: ông Đinh Thành L, bà Đào Thị Anh, ông Lê Công Hoan, bà Đào Thị H, ông Đào Văn D, ông Nguyễn Bá Kh, ông Đinh Văn P, bà Nguyễn Thị Th, bà Lê Thị H, ông Trần Trọng Th, bà Trần Thị Th, ông Vũ Đức Th, bà Phạm Thị B, ông Nguyễn Quốc T thì đều xác nhận nội dung các hộ dân nêu trên có ký hợp đồng mua phân bón HC vi sinh (phân heo đã qua xử lý) của doanh nghiệp, theo phương thức trả chậm thông qua tổ dịch vụ hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân xã, đều có chữ ký xác nhận của các hộ dân và đại diện Chi hội trưởng là ông Đào Công Q.

Như vậy, có căn cứ người trực tiếp mua phân bón của doanh nghiệp là các hộ nông dân chứ không phải ông Đào Công Q mua phân bón của doanh nghiệp rồi về bán lại cho các hộ dân. Hơn nữa, doanh nghiệp chờ phân bón đến giao trực tiếp cho từng hộ dân chứ không phải giao phân bón cho ông Q, ông Q chỉ là người đứng ra thu tiền giúp cho doanh nghiệp và hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận nên ông Q không có trách nhiệm phải thu nợ từ phía các hộ dân để trả cho doanh nghiệp. Đến nay, các hộ dân mua phân bón của doanh nghiệp cũng chưa có ai giao tiền mua phân bón cho ông Q.

[7] Các hộ dân mua phân bón cũng đều khẳng định, do phân bón kém chất lượng nên các hộ dân không đồng ý trả tiền cho doanh nghiệp, đồng thời, các hộ dân cũng thừa nhận chưa có ai giao tiền mua phân bón cho ông Q và ông Q cũng không phải là người trực tiếp mua phân bón của doanh nghiệp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông Q phải trả tiền cho doanh nghiệp tư nhân Y là không đúng pháp luật.

[8] Bên cạnh đó, theo biên bản làm việc ngày 04/11/2016 giữa thanh tra Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Lâm Đồng, Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lâm Đồng, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật Lâm Đồng và DNTN Y thể hiện nội dung: DNTN Y sản xuất, tiêu thụ phân bón hữu cơ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất phân bón nhưng chưa có các thủ tục sau:

Không có giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ theo quy định; doanh nghiệp có sản xuất bán sản phẩm ra thị trường nhưng không thực hiện chứng nhận hợp quy sản phẩm phân bón theo quy định; tại nhà xưởng sản xuất hiện còn trong kho khoảng 300 tấn thành phẩm sản phẩm được chứa đựng trong các loại bao thức ăn chăn nuôi đã thải loại không có nhãn mác ghi thành phần phân bón, địa chỉ nhà máy, ngày sản xuất, hạn sử dụng...

[9] Như vậy, có căn cứ việc doanh nghiệp sản xuất phân bón và bán phân bón nhưng lại không thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng ông Q không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc doanh nghiệp sản xuất phân bón và bán phân bón cho các hộ dân là phân bón kém chất lượng là không có căn cứ, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Bên cạnh đó, Biên bản làm việc ngày 04/11/2016 và Đơn đề nghị xác nhận do doanh nghiệp cung cấp đều là bản phô tô nên việc Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án chỉ là bản phô tô là vi phạm tố tụng về thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật.

[10] Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa tiến hành xác minh làm rõ đối với chất lượng phân bón mà doanh nghiệp bán cho các hộ dân có đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật không; cũng không tiến hành làm rõ vai trò của các bên trong giao dịch mua bán phân bón, phương thức thanh toán, ai là người có trách nhiệm trực tiếp thanh toán tiền phân với ông Yên, cũng chưa xem xét yêu cầu của các hộ dân mà chỉ căn cứ vào việc ông Q là người trực tiếp ký vào hợp đồng mua bán, không phải với tư cách là người đại diện cho các hộ dân nhưng lại buộc ông Q phải có trách nhiệm thanh toán tiền nợ phân bón cho ông Yên (DNTN Y) là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L; chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Q để hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là có căn cứ.

[11] Về án phí: Do hủy án nên bị đơn ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đào Công Q.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện L về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*” giữa nguyên đơn ông Trần Văn Y; bị đơn ông Đào Công Q và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo bản án sơ thẩm.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bị đơn ông Đào Công Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đào Công Q số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000641 ngày 19/7/2018 mà ông Đào Công Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Hữu Nhân

